

ĐO LƯỜNG MỨC ĐỘ ĐÁP ỨNG YÊU CẦU CÔNG VIỆC CỦA SINH VIÊN TỐT NGHIỆP CÁC NGÀNH ĐÀO TẠO GIÁO VIÊN: MỘT NGHIÊN CỨU DỰA TRÊN PHẢN HỒI CỦA NHÀ SỬ DỤNG LAO ĐỘNG

Nguyễn Văn Cảnh

Phòng Đảm bảo chất lượng, Trường Đại học Đồng Tháp

Email: nvcanh@dthu.edu.vn

Lịch sử bài báo

Ngày nhận: 13/01/2022; Ngày nhận chỉnh sửa: 09/3/2022; Ngày duyệt đăng: 05/4/2022

Tóm tắt

Bài báo trình bày kết quả đo lường mức độ đáp ứng yêu cầu công việc của sinh viên tốt nghiệp các ngành đào tạo giáo viên của Trường Đại học Đồng Tháp giai đoạn 2017-2021. Dữ liệu được sử dụng trong nghiên cứu này là kết quả đánh giá của 201 nhà sử dụng lao động đang làm việc tại các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông. Ba yếu tố chính được xem xét để đánh giá mức độ đáp ứng yêu cầu công việc của sinh viên tốt nghiệp gồm: (1) kỹ năng mềm, (2) kỹ năng chuyên môn và (3) thái độ làm việc. Kết quả nghiên cứu đã cho thấy các kỹ năng và thái độ làm việc của sinh viên tốt nghiệp đã được phần lớn các nhà sử dụng lao động đánh giá mức đáp ứng tốt và đáp ứng rất tốt yêu cầu công việc. Tuy nhiên, vẫn còn một số nhà sử dụng lao động đánh giá các kỹ năng và thái độ làm việc của sinh viên tốt nghiệp ở mức đáp ứng một phần yêu cầu công việc. Ngoài ra, sinh viên tốt nghiệp đang làm việc trong các trường trung học phổ thông được đánh giá đạt mức đáp ứng yêu cầu công việc cao hơn so với các sinh viên tốt nghiệp làm việc trong các trường mầm non.

Từ khóa: *Đào tạo giáo viên, đáp ứng yêu cầu công việc, kỹ năng chuyên môn, kỹ năng mềm, thái độ làm việc.*

DOI: <https://doi.org/10.52714/dthu.11.6.2022.990>

Trích dẫn: Nguyễn Văn Cảnh. (2022). Đo lường mức độ đáp ứng yêu cầu công việc của sinh viên tốt nghiệp các ngành đào tạo giáo viên: Một nghiên cứu dựa trên phản hồi của nhà sử dụng lao động. *Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp*, 11(6), 20-32.

MEASURING THE JOB REQUIREMENTS SATISFACTION LEVEL OF TEACHER TRAINING MAJORED GRADUATES: A STUDY BASED ON EMPLOYER FEEDBACKS

Nguyen Van Canh

Quality Assurance Office, Dong Thap University

Email: nvcanh@dthu.edu.vn

Article history

Received: 13/01/2022; Received in revised form: 09/3/2022; Accepted: 05/4/2022

Abstract

The article presents the measurement results of the graduates' job requirements satisfaction of the teacher training majors at Dong Thap University in the period 2017-2021. The survey data used in this study is the evaluations by 201 superintendents in preschools, elementary, middle, and high schools. Three main factors are considered for the evaluations, namely (1) soft skills, (2) professional skills and (3) work attitudes of graduates. The results showed that most employers have evaluated graduates' skills and working attitudes at good and very good levels for meeting the job requirements. However, some employers still assessed their work skills and attitudes as only partially satisfying job requirements. In addition, those graduates working at high schools scored an average level higher than ones working at preschools.

Keywords: *Meeting job requirements, professional skills, soft skills, training teachers, working attitudes.*

1. Đặt vấn đề

Đào tạo sinh viên (SV) có khả năng đáp ứng yêu cầu công việc sau khi tốt nghiệp là một vấn đề rất quan trọng đối với các cơ sở giáo dục đại học và nhận được sự quan tâm của toàn xã hội (Holmes, 2013). Nghiên cứu của Ngân hàng Thế giới đã chỉ ra rằng nhiều kiến thức và kỹ năng được trang bị cho SV tốt nghiệp ở Việt Nam vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu của thị trường lao động (The World Bank, 2012). Bên cạnh đó, xã hội đang có sự mất cân bằng giữa kỳ vọng của doanh nghiệp và các cơ sở giáo dục trong việc cung cấp nguồn lực lao động có trình độ và năng lực (Osmani và cs., 2019). Vì vậy, hoạt động đào tạo của các cơ sở giáo dục đại học phải đáp ứng được các yêu cầu của xã hội. Theo tác giả Phạm Văn Quyết và Trần Kiều Quỳnh (2016), đào tạo đáp ứng nhu cầu xã hội có thể hiểu theo hai cách. *Một là*, đào tạo phải đáp ứng nhu cầu phát triển của khoa học, nhu cầu học tập của người học. *Hai là*, nguồn nhân lực qua đào tạo phải đáp ứng được yêu cầu của thị trường lao động, trực tiếp là yêu cầu của công việc mà trong tương lai người được đào tạo phải đảm nhận. Ngoài ra, đào tạo đáp ứng nhu cầu xã hội không có nghĩa là đào tạo theo những gì các trường đại học có mà phải đào tạo theo những điều mà xã hội cần (Phạm Văn Quyết, 2017). Bên cạnh đó, các nhà tuyển dụng lao động thường yêu cầu SV tốt nghiệp phải có các kỹ năng kỹ thuật cơ bản cần thiết cho các ngành nghề cụ thể của họ (Low và cs., 2016). Vì vậy, quá trình đào tạo tại trường đại học phải giúp SV tốt nghiệp có được các kỹ năng nghề nghiệp cần thiết để đáp ứng được yêu cầu công việc sau khi được tuyển dụng. Đặc biệt, phải có sự tham gia đóng góp ý kiến của các nhà sử dụng lao động. Nghiên cứu này được thực hiện nhằm đo lường, đánh giá mức độ đáp ứng yêu cầu công việc của SV tốt nghiệp các ngành đào tạo giáo viên (ĐTGV) của Trường Đại học Đồng Tháp giai đoạn 2017-2021. Kết quả nghiên cứu này là cơ sở để Trường Đại học Đồng Tháp cải tiến hoạt động đào tạo, góp phần nâng cao thương hiệu ĐTGV của Trường.

2. Tổng quan nghiên cứu

Một trong những kỹ năng của SV tốt nghiệp được các nhà sử dụng lao động quan tâm là các kỹ năng mềm (KNM). Archer và Davison (2008) cho rằng bất kể quy mô của một doanh nghiệp như thế

nào thì KNM của SV tốt nghiệp, đặc biệt là kỹ năng giao tiếp và kỹ năng làm việc nhóm luôn được coi là quan trọng trong quá trình làm việc. Theo Orr và cs. (2011), thị trường lao động đang thay đổi và có nhiều thách thức, các trường đại học cần cung cấp các cơ hội thực tế cho SV để phát triển các KNM trong môi trường chuyên nghiệp. Lowden và cs. (2011) cho rằng các nhà tuyển dụng lao động mong đợi SV tốt nghiệp có các năng lực kỹ thuật và tính kỷ luật từ bằng cấp của họ nhưng cũng đồng thời yêu cầu SV tốt nghiệp phải thể hiện được một loạt các KNM như kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng lãnh đạo, tư duy phản biện, kỹ năng giải quyết vấn đề. Theo Finch và cs. (2013), yếu tố KNM của SV tốt nghiệp được xem là quan trọng nhất đối với các nhà sử dụng lao động. Ứng hộ quan điểm trên, nghiên cứu của Dunbar và cs. (2016) cũng cho rằng các nhà tuyển dụng lao động quan tâm nhiều nhất vào các KNM của SV tốt nghiệp. Theo các tác giả, các chương trình giảng dạy trong tương lai của các cơ sở giáo dục đại học cần phải quan tâm nhiều hơn đến việc trang bị các KNM cho SV tốt nghiệp.

Cùng với KNM, các kỹ năng chuyên môn và thái độ làm việc của SV tốt nghiệp cũng được xem là các yếu tố quan trọng giúp SV tốt nghiệp thành công với nghề nghiệp trong tương lai. Theo tác giả Trịnh Văn Sơn và Phạm Phương Trung (2016), đào tạo đại học chỉ đạt được chất lượng khi SV tốt nghiệp hội tụ được các năng lực chuyên môn, thái độ và động cơ làm việc, các kỹ năng làm việc cá nhân phù hợp với yêu cầu công việc. Dựa trên quan điểm của nhà sử dụng lao động, tác giả McMurray và Robinson (2016) cho rằng thái độ cá nhân, kỹ năng làm việc và kinh nghiệm làm việc của SV tốt nghiệp là các yếu tố có ý nghĩa quan trọng để đáp ứng yêu cầu công việc. Ngoài ra, tác giả Trần Thị Thùy Trang và cs. (2018) đã chỉ ra rằng thái độ làm việc của SV tốt nghiệp có tác động đến sự hài lòng của nhà sử dụng lao động. Nghiên cứu của Huỳnh Thị Trang (2019) đã chỉ ra ba yếu tố có ảnh hưởng cùng chiều đến mức độ hài lòng của nhà sử dụng lao động gồm kỹ năng nghề nghiệp, thái độ và kiến thức của SV tốt nghiệp. Trong đó, kỹ năng nghề nghiệp của SV tốt nghiệp được xem là yếu tố có ảnh hưởng mạnh nhất

đến sự hài lòng của nhà sử dụng lao động, tiếp đến là thái độ làm việc và kiến thức chuyên môn của SV tốt nghiệp. Bên cạnh đó, nghiên cứu của Đặng Bá Lâm và cs. (2019) cho rằng thái độ làm việc của SV tốt nghiệp được đánh giá chung cao nhất, tiếp đến là kết quả làm việc. Trong khi đó, yếu tố chuyên môn của SV tốt nghiệp nhận được đánh giá thấp nhất của nhà sử dụng lao động.

Phần lớn các nghiên cứu đã được lược khảo và phân tích đều đo lường, đánh giá khả năng đáp ứng yêu cầu công việc của SV tốt nghiệp ở nhiều ngành nghề khác nhau, tuy nhiên có rất ít nghiên cứu được thực hiện đối với các SV tốt nghiệp thuộc các ngành ĐTGV. Một vài nghiên cứu đã được tìm thấy nhằm đo lường mức độ đáp ứng yêu cầu công việc của SV tốt nghiệp các ngành ĐTGV. Cụ thể như, nghiên cứu của tác giả Trịnh Thế Anh và Đặng Quốc Hòa (2013) cho rằng SV tốt nghiệp ngành Giáo dục mầm non đã đáp ứng ở mức tốt yêu cầu công việc đối với phẩm chất đạo đức chính trị lối sống, mức khá về nội dung kiến thức và kỹ năng và đáp ứng ở mức trung bình về các năng lực phát triển nghề nghiệp. Bên cạnh đó, nghiên cứu của tác giả Ngô Chí Hải và Bùi Đức Nhân (2018) đã đánh giá mức độ đáp ứng yêu cầu công việc của SV tốt nghiệp các ngành sư phạm dựa trên ý kiến của nhà sử dụng lao động. Theo các tác giả, đào tạo đại học chỉ đạt được chất lượng khi SV tốt nghiệp hội tụ được các năng lực chuyên môn, thái độ cùng với động cơ làm việc, cũng như các kỹ năng làm việc cá nhân phù hợp với yêu cầu công việc. Các tác giả khuyến nghị rằng bên cạnh việc xây dựng mối liên hệ mật thiết với khách hàng, các trường đại học cần chú ý thiết kế lại chương trình đào tạo để đạt được các chuẩn đầu ra theo yêu cầu của đơn vị sử dụng lao động. Một nghiên cứu khác được thực hiện bởi Aquino và cs. (2015) đã chỉ ra rằng có một khoảng cách giữa nhận thức của các nhà sử dụng lao động giữa trình độ của giáo viên và các năng lực của họ trong việc đáp ứng các yêu cầu công việc. Việc đo lường, đánh giá khả năng đáp ứng yêu cầu công việc của SV tốt nghiệp các ngành ĐTGV trong nghiên cứu này được thực hiện theo ba yếu tố chính như: (1) KNM, (2) Kỹ năng chuyên môn và (3) Thái độ làm việc.

3. Phương pháp nghiên cứu

3.1. Công cụ

Để đo lường mức độ đáp ứng yêu cầu công việc của SV tốt nghiệp các ngành ĐTGV, tác giả sử dụng ba thang đo thành phần với tổng cộng 17 biến quan sát. Mỗi biến quan sát trong từng thang đo đều được đo lường theo 04 mức độ: 1 - Chưa đáp ứng; 2 - Đáp ứng một phần; 3 - Đáp ứng tốt và 4 - Đáp ứng rất tốt.

Yếu tố KNM được đo bằng 06 biến quan sát như: kỹ năng giao tiếp (SS1), kỹ năng làm việc nhóm (SS2), kỹ năng thuyết trình (SS3), kỹ năng lắng nghe (SS4), kỹ năng quan sát (SS5) và tác phong sư phạm (SS6).

Yếu tố kỹ năng chuyên môn được đo bằng 07 biến quan sát như: Kỹ năng xây dựng và thực hiện kế hoạch dạy học (PS1); Kỹ năng làm chủ kiến thức chuyên môn trong hoạt động dạy học (PS2); Kỹ năng sử dụng các phương tiện dạy học (PS3); Kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học (PS4); Kỹ năng vận dụng các phương pháp dạy học (PS5); Kỹ năng xây dựng môi trường học tập (PS6); Kỹ năng kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh (PS7).

Yếu tố thái độ làm việc của SV tốt nghiệp được đo bằng 04 biến quan sát như: Nhiệt tình, trách nhiệm với công việc (WA1); Năng động, sáng tạo trong công việc (WA2); Tinh thần học hỏi, khắc phục khó khăn (WA3); và Ý thức tổ chức kỷ luật trong công việc (WA4).

Ngoài ra, việc phân tích, thống kê dữ liệu trong nghiên cứu này được thực hiện bằng phần mềm thống kê SPSS 22.0.

3.2. Đặc điểm của mẫu nghiên cứu

Nghiên cứu này sử dụng kết quả phản hồi bằng hình thức trực tuyến của 201 nhà sử dụng lao động là các nhà quản lý (gồm 135 hiệu trưởng và 66 phó hiệu trưởng) làm việc tại các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông. Đây là các cơ sở giáo dục đang sử dụng lao động là SV tốt nghiệp các ngành ĐTGV của Trường Đại học Đồng Tháp giai đoạn 2017-2021. Số lượng chi tiết về các nhà sử dụng lao động tham gia phản hồi khảo sát được thể hiện trong Bảng 1.

Bảng 1. Đặc điểm của mẫu nghiên cứu theo chức vụ

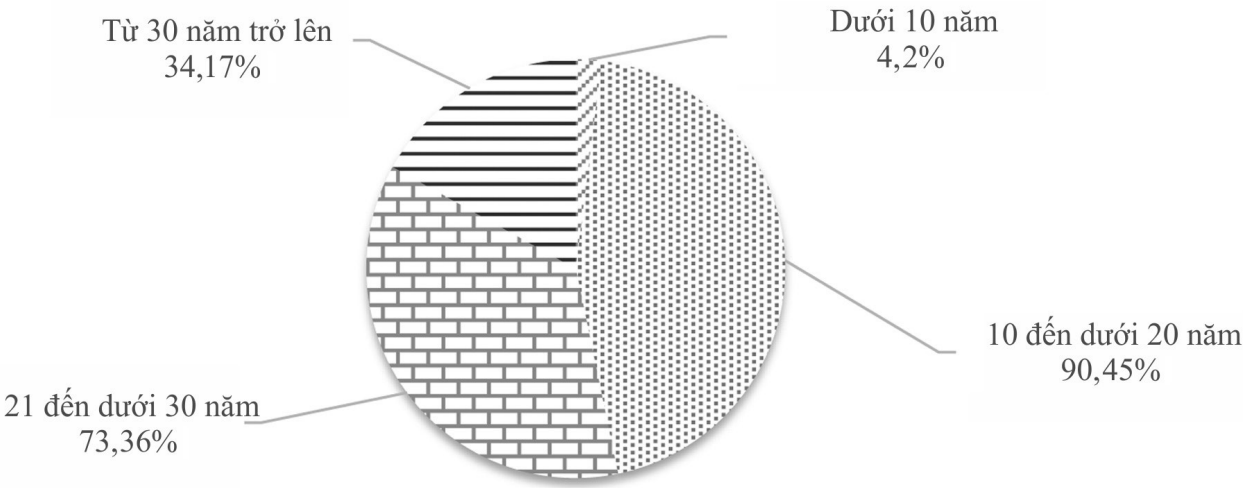
Đặc điểm trường	Chức vụ		Tổng cộng	Tỷ lệ %
	Hiệu trưởng	Phó hiệu trưởng		
Mầm non	41	16	57	28,4
Tiểu học	6	21	27	13,4
Trung học cơ sở	31	7	38	18,9
Trung học phổ thông	57	22	79	39,3
Tổng cộng	135	66	201	100,0

Ngoài ra, trong số các nhà sử dụng lao động được khảo sát, có 191 nhà quản lý đang làm việc trong các trường công lập, chiếm tỷ lệ 95,02% và 10 nhà quản lý đang làm việc trong các trường tư nhân, chiếm 4,98%. Bên cạnh đó, trong mẫu nghiên cứu này, số lượng nhà sử dụng lao động đang làm việc tại các trường thuộc khu vực nông thôn là 126, chiếm tỷ lệ 62,9% và 75 nhà sử lao động đang làm việc tại các trường thuộc khu vực thành thị, chiếm 37,3%. Số lượng chi tiết được thể hiện trong Bảng 2.

Bảng 2. Đặc điểm của mẫu nghiên cứu theo khu vực và loại hình trường

Đặc điểm trường	Tổng cộng	Khu vực		Loại hình trường	
		Nông thôn	Thành thị	Công lập	Tư nhân
Mầm non	57	36	21	50	7
Tiểu học	27	22	5	27	0
Trung học cơ sở	38	24	14	38	0
Trung học phổ thông	79	44	35	76	3
Tổng cộng	201	126	75	191	10

Về thâm niên công tác, phần lớn nhà sử dụng lao động được khảo sát đều có thâm niên làm việc từ 10 năm trở lên với tổng cộng 98%. Trong đó, chiếm tỷ lệ cao nhất là các nhà sử dụng lao động có thâm niên làm việc từ 10 năm đến dưới 20 năm với 45%. Số liệu chi tiết về phân bố thâm niên làm việc của các nhà sử dụng lao động tham gia phản hồi khảo sát được thể hiện qua biểu đồ Hình 1.



Hình 1. Đặc điểm của mẫu nghiên cứu theo thâm niên làm việc

3.3. Độ tin cậy của dữ liệu

Việc đánh giá độ tin cậy của dữ liệu trong nghiên cứu này được thực hiện dựa trên kết quả phân tích Cronbach's Alpha. Cụ thể, thang đo có độ tin cậy đạt yêu cầu khi giá trị Cronbach's Alpha của thang đo đạt

từ 0,60 trở lên (Hoàng Trọng và Chu Nguyễn Mộng Ngọc, 2008). Ngoài ra, các biến quan sát trong mỗi thang đo được chấp nhận khi giá trị hệ số tương quan biến tổng đạt từ 0,30 trở lên (Nunnally, 1978; Slater, 1995). Hệ số tin cậy Cronbach's Alpha của dữ liệu thể hiện trong Bảng 3.

Bảng 3. Kết quả phân tích hệ số tin cậy Cronbach's Alpha

Thang đo	Số biến	Hệ số tương quan biến tổng	Cronbach's Alpha nếu xóa biến	Cronbach's Alpha
Kỹ năng mềm	6	0,640 - 0,780	0,857 - 0,880	0,899
Kỹ năng chuyên môn	7	0,574 - 0,761	0,879 - 0,900	0,900
Thái độ làm việc	4	0,723 - 0,767	0,837 - 0,855	0,881

Kết quả thống kê cho thấy các biến quan sát trong mỗi thang đo thành phần đều có giá trị hệ số tương quan biến tổng lớn hơn 0,30, đồng thời giá trị Cronbach's Alpha của các thang đo đều lớn hơn 0,60. Như vậy, các thang đo thành phần đều có giá trị hệ số tin cậy đạt yêu cầu, đồng thời các biến quan sát trong từng thang đo đều có tương quan tốt với thang đo nên đều được giữ lại để tiến hành các phân tích, thống kê tiếp theo.

4. Kết quả nghiên cứu

Để đo lường mức độ đáp ứng yêu cầu công việc của SV tốt nghiệp các ngành ĐTGV, tác giả sử dụng giá trị trung bình trong quá trình phân tích, đánh giá và đưa ra kết luận trong nghiên cứu. Vì vậy, mức độ đáp ứng yêu cầu công việc của SV tốt nghiệp được quy đổi dựa trên giá trị trung bình. Mức độ quy đổi được thể hiện như sau.

Bảng 4. Mức độ đáp ứng yêu cầu công việc đã được quy đổi

Trung bình	1,0 đến 1,75	1,76 đến 2,50	2,51 đến 3,25	3,26 đến 4,0
Mức độ	Chưa đáp ứng	Đáp ứng một phần	Đáp ứng tốt	Đáp ứng rất tốt

4.1. Mức độ đáp ứng về các KNM của SV tốt nghiệp

Đánh giá của các nhà sử dụng lao động về các

KNM của của SV tốt nghiệp các ngành ĐTGV trong việc đáp ứng yêu cầu công việc được thể hiện chi tiết qua số liệu trong Bảng 5.

Bảng 5. Trung bình mức đáp ứng của các KNM

TT	Biến	Nội dung	Trung bình	Độ lệch chuẩn
1	SS1	Kỹ năng giao tiếp	3,18	0,590
2	SS2	Kỹ năng làm việc nhóm	3,20	0,560
3	SS3	Kỹ năng thuyết trình	3,10	0,608
4	SS4	Kỹ năng lắng nghe	3,34	0,596
5	SS5	Kỹ năng quan sát	3,23	0,632
6	SS6	Tác phong sư phạm	3,55	0,518

Thống kê cho thấy các yếu tố về KNM của SV tốt nghiệp các ngành ĐTGV đều được nhà sử dụng lao động đánh giá mức trung bình từ 3,10 đến 3,55 (độ lệch chuẩn từ 0,518 đến 0,632). Trong đó, yếu

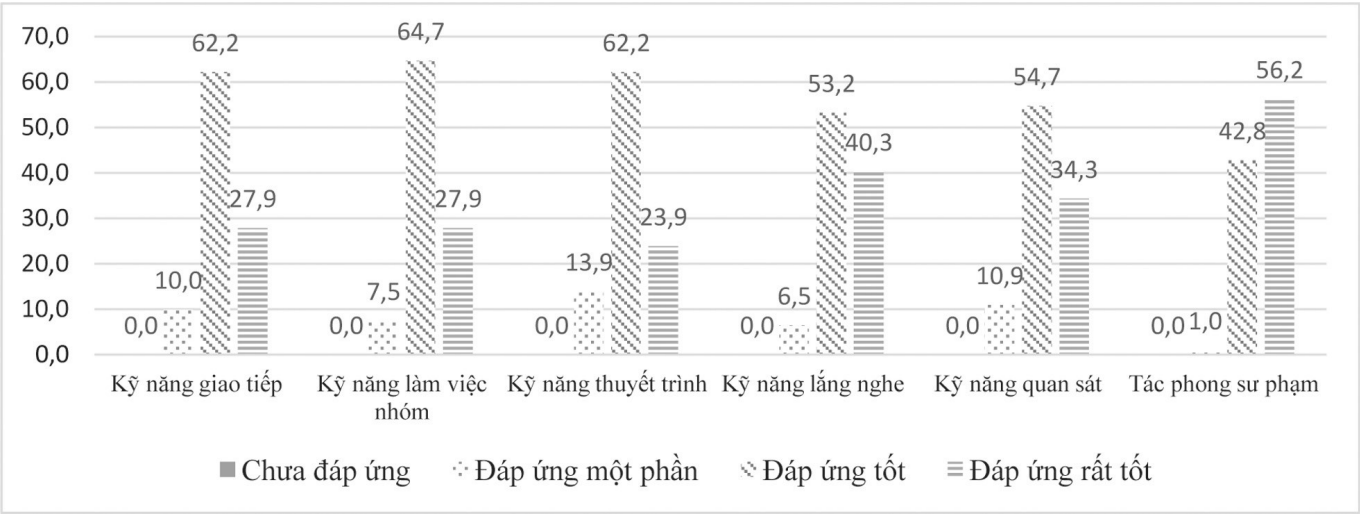
tố *Tác phong sư phạm* của SV tốt nghiệp nhận mức đánh giá trung bình cao nhất, tương ứng mức quy đổi đáp ứng rất tốt yêu cầu công việc. Bên cạnh đó, kỹ năng lắng nghe của SV tốt nghiệp nhận mức đánh giá

trung bình của nhà sử dụng lao động là 3,34 tương ứng mức đáp ứng rất tốt yêu cầu công việc. Các kỹ năng còn lại đều nhận giá trị trung bình tương ứng mức đáp ứng tốt yêu cầu công việc

Ngoài ra, số liệu thống kê trong Hình 2 cho thấy các KNM của SV tốt nghiệp các ngành ĐTGV chủ yếu được các nhà sử dụng lao động đánh giá ở hai mức đáp ứng tốt và đáp ứng rất tốt yêu cầu công việc, không có yếu tố nào nhận mức đánh giá chưa đáp ứng yêu cầu công việc từ phía nhà sử dụng lao động. Trong đó, số lượng nhà sử dụng lao động đánh giá mức đáp ứng tốt đối với các KNM chiếm tỷ lệ cao

nhất, từ 42,8% đến 64,7%. Bên cạnh đó, tỷ lệ nhà sử dụng lao động đánh giá mức đáp ứng rất tốt chiếm từ 23,9% đến 56,2%. Một số nhà sử dụng lao động đánh giá các KNM của SV tốt nghiệp ở mức đáp ứng một phần yêu cầu công việc, với tỷ lệ không quá 13,9%. Như vậy, các KNM của SV tốt nghiệp về cơ bản đã đáp ứng được yêu cầu công việc và được các nhà sử dụng lao động đánh giá cao. Tuy nhiên, SV tốt nghiệp các ngành ĐTGV cần phải tiếp tục cải thiện các KNM trong quá trình làm việc vì trên thực tế vẫn còn một số nhà sử dụng lao động đánh giá các KNM của SV tốt nghiệp chỉ đáp ứng một phần yêu cầu công việc.

Đơn vị tính: %



Hình 2. Thống kê mức độ đáp ứng về các KNM của SV tốt nghiệp

Số liệu thống kê trong Bảng 6 cho thấy mức đánh giá trung bình của nhà sử dụng lao động giữa các nhóm trường đối với yếu tố KNM của SV tốt nghiệp đạt từ 3,14 đến 3,36. Trong đó, nhận mức đánh giá trung bình cao nhất là SV tốt nghiệp đang

làm việc trong các trường trung học cơ sở với giá trị trung bình bằng 3,36, độ lệch chuẩn 0,416. Trong khi đó, đạt mức đánh giá thấp nhất là SV tốt nghiệp đang làm việc tại các trường tiểu học với trung bình 3,14 và độ lệch chuẩn 0,369.

Bảng 6. Mức đánh giá trung bình của các nhà sử dụng lao động về KNM của SV tốt nghiệp

Đặc điểm trường	Số phản hồi	Mức đánh giá trung bình	Độ lệch chuẩn
Mầm non	57	3,20	0,531
Tiểu học	27	3,14	0,369
Trung học cơ sở	38	3,36	0,416
Trung học phổ thông	79	3,31	0,470

4.2. Mức độ đáp ứng về các kỹ năng chuyên môn của SV tốt nghiệp

Số liệu thống kê trong Bảng 7 cho thấy các

kỹ năng chuyên môn của SV tốt nghiệp các ngành ĐTGV được nhà sử dụng lao động đánh giá mức trung bình từ 3,13 đến 3,43 (độ lệch chuẩn từ 0,540

đến 0,633), tương ứng các mức quy đổi là đáp ứng tốt và đáp ứng rất tốt yêu cầu công việc. Trong đó, các kỹ năng chuyên môn của SV tốt nghiệp đạt mức đáp ứng rất tốt yêu cầu công việc là: Kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học (PS4) với mức trung bình 3,43, độ lệch chuẩn 0,606 và Kỹ năng sử dụng các phương tiện dạy học (PS5) với

mức trung bình 3,33, độ lệch chuẩn 0,577. Ngoài ra, các kỹ năng còn lại đều tương ứng mức đáp ứng tốt yêu cầu công việc với giá trị trung bình từ 3,13 đến 3,23. Như vậy, về cơ bản các kỹ năng chuyên môn của SV tốt nghiệp đã đáp ứng được yêu cầu công việc dựa trên kết quả đánh giá từ phía các nhà sử dụng lao động.

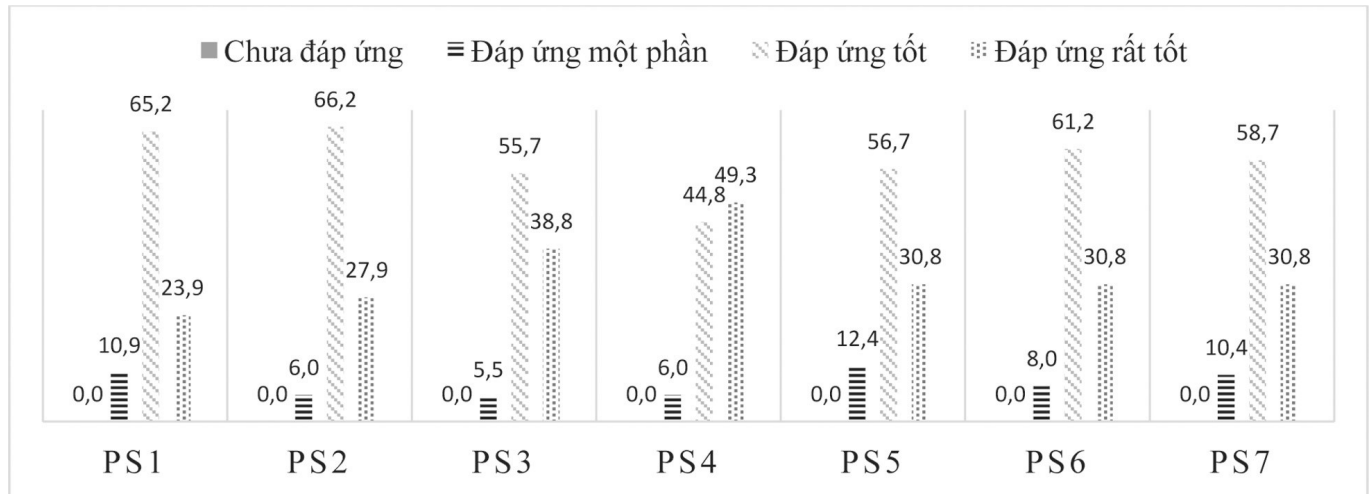
Bảng 7. Mức độ đáp ứng của các kỹ năng chuyên môn của SV tốt nghiệp

Biến	Nội dung	Trung bình	Độ lệch chuẩn
PS1	Kỹ năng kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh	3,20	0,611
PS2	Kỹ năng xây dựng môi trường học tập	3,23	0,581
PS3	Kỹ năng vận dụng các phương pháp dạy học	3,18	0,633
PS4	Kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học	3,43	0,606
PS5	Kỹ năng sử dụng các phương tiện dạy học	3,33	0,577
PS6	Kỹ năng làm chủ kiến thức chuyên môn trong hoạt động dạy học	3,22	0,540
PS7	Kỹ năng xây dựng và thực hiện kế hoạch dạy học	3,13	0,577

Ngoài ra, đánh giá của các nhà sử dụng lao động đối với các kỹ năng chuyên môn của SV tốt nghiệp

theo từng mức độ đáp ứng yêu cầu công việc được thể hiện chi tiết qua biểu đồ Hình 3.

Đơn vị tính: %



Hình 3. Thống kê mức độ đáp ứng về các kỹ năng chuyên môn

Thống kê trong biểu đồ cho thấy các kỹ năng chuyên môn của SV tốt nghiệp các ngành ĐTGV chủ yếu được các nhà sử dụng lao động đánh giá ở hai mức đáp ứng tốt và đáp ứng rất tốt yêu cầu công việc. Trong đó, số lượng nhà sử dụng lao động đánh giá mức đáp ứng tốt với các kỹ năng chuyên môn chiếm tỷ lệ cao nhất, từ 44,8% đến 66,2%. Bên cạnh đó, số lượng nhà sử dụng lao động đánh giá mức đáp ứng rất tốt với các kỹ năng trên đạt từ 23,9% đến 49,3%.

Như vậy, có thể nhận thấy các kỹ năng chuyên môn của SV tốt nghiệp về cơ bản đã đáp ứng được yêu cầu công việc sau khi được tuyển dụng. Đặc biệt là “Kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học” đã nhận được đánh giá rất cao của nhà sử dụng lao động về mức độ đáp ứng yêu cầu công việc. Mặc dù không có kỹ năng chuyên môn nào nhận được đánh giá của nhà sử dụng lao động ở mức chưa đáp ứng yêu cầu công việc, tuy nhiên các kỹ năng chuyên

môn của SV tốt nghiệp vẫn còn nhận mức đánh giá đáp ứng một phần yêu cầu công việc từ các nhà sử dụng lao động với tỷ lệ từ 5,5% đến 12,4%. Trong đó, một số kỹ năng nhận mức đánh giá đáp ứng một phần yêu cầu công việc với tỷ lệ khá cao là "Kỹ năng sử dụng các phương tiện dạy học" (PS5) với 12,4%, "Kỹ năng kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh (PS1) với 10,9% và "Kỹ năng xây dựng và thực hiện kế hoạch dạy học" (PS7) với 10,4%.

Bên cạnh đó, số liệu thống kê trong Bảng 8 cho thấy mức đánh giá trung bình của nhà sử dụng lao động giữa các nhóm trường đối với yếu tố kỹ năng chuyên môn của SV tốt nghiệp đạt từ 3,11 đến 3,36. Trong đó, yếu tố này của SV tốt nghiệp đang làm việc tại các trường trung học phổ thông đạt mức đánh giá trung bình cao nhất và đạt mức đánh giá trung bình thấp nhất từ các nhà sử dụng lao động là SV tốt nghiệp đang làm việc tại các trường mầm non.

Bảng 8. Mức đánh giá trung bình của các nhà sử dụng lao động về KNM của SV tốt nghiệp

Đặc điểm trường	Số phản hồi	Mức đánh giá trung bình	Độ lệch chuẩn
Mầm non	57	3,11	0,523
Tiểu học	27	3,24	0,370
Trung học cơ sở	38	3,23	0,363
Trung học phổ thông	79	3,36	0,474

4.3. Mức độ đáp ứng về thái độ làm việc của SV tốt nghiệp

Thông kê trong Bảng 9 cho thấy, các yếu tố về thái độ làm việc của SV tốt nghiệp các ngành ĐTGV đều được nhà sử dụng lao động đánh giá mức trung bình đạt từ 3,24 đến 3,52 (độ lệch chuẩn từ 0,564 đến 0,635), đều tương ứng các mức độ đáp ứng tốt và đáp

ứng rất tốt yêu cầu công việc. Trong đó, ba yếu tố nhận giá trị trung bình tương ứng mức đáp ứng rất tốt yêu cầu công việc là “Nhiệt tình, trách nhiệm với công việc”, “Ý thức tổ chức kỷ luật trong công việc” và “Tinh thần học hỏi, khắc phục khó khăn”. Yếu tố còn lại đạt mức đánh giá trung bình 3,24, độ lệch chuẩn 0,635 tương ứng mức đáp ứng tốt yêu cầu công việc.

Bảng 9. Trung bình mức đáp ứng về thái độ làm việc của SV tốt nghiệp

TT	Biến	Nội dung	Trung bình	Độ lệch chuẩn
1	WA1	Nhiệt tình, trách nhiệm với công việc	3,52	0,584
2	WA2	Năng động, sáng tạo trong công việc	3,24	0,635
3	WA3	Tinh thần học hỏi, khắc phục khó khăn	3,37	0,596
4	WA4	Ý thức tổ chức kỷ luật trong công việc	3,45	0,564

Thông kê chi tiết về mức độ đáp ứng yêu cầu công việc của SV tốt nghiệp đối với các yếu tố về thái độ làm việc được thể hiện qua biểu đồ Hình 4

Số liệu thống kê trong Hình 4 cho thấy phần lớn các nhà sử dụng lao động đều đánh giá thái độ làm việc của SV tốt nghiệp ở các mức độ đáp ứng tốt và đáp ứng rất tốt yêu cầu công việc. Ngoài ra, không có nhà sử dụng lao động đánh giá mức chưa đáp ứng về thái độ làm việc của SV tốt nghiệp. Tuy nhiên, các yếu tố thái độ làm việc của SV tốt nghiệp các ngành ĐTGV vẫn còn nhận được đánh giá của các nhà sử

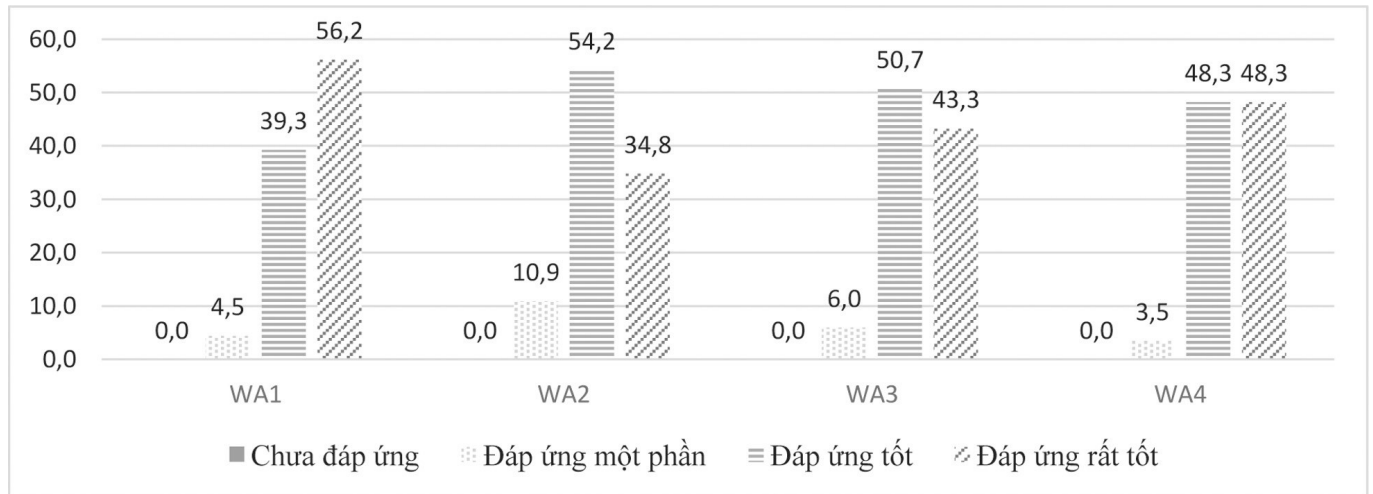
dụng lao động tại mức đáp ứng một phần yêu cầu công việc, với tỷ lệ từ 3,5% đến 10,9%.

Bên cạnh đó, số liệu thống kê trong Bảng 10 cho thấy mức đánh giá trung bình của nhà sử dụng lao động giữa các nhóm trường đối với yếu tố thái độ làm việc của SV tốt nghiệp đạt từ 3,29 đến 3,47 với độ lệch chuẩn từ 0,463 đến 0,568. Trong đó, yếu tố thái độ làm việc của SV tốt nghiệp nhận được mức đánh giá trung bình cao nhất từ các nhà sử dụng lao động đang công tác tại các trường trung học phổ thông với trung bình 3,47 và độ lệch chuẩn 0,480. Trong

khi đó, yếu tố này của SV tốt nghiệp nhận mức đánh giá trung bình thấp nhất từ các nhà sử dụng lao động

tại các trường trung học cơ sở với 3,29 và độ lệch chuẩn 0,463.

Đơn vị tính: %



Hình 4. Thống kê mức độ đáp ứng về thái độ làm việc của SV tốt nghiệp

Bảng 10. Mức đánh giá trung bình của các nhà sử dụng lao động về thái độ làm việc của SV tốt nghiệp

Đặc điểm trường	Số phản hồi	Mức đánh giá trung bình	Độ lệch chuẩn
Mầm non	57	3,39	0,549
Tiểu học	27	3,33	0,568
Trung học cơ sở	38	3,29	0,463
Trung học phổ thông	79	3,47	0,480

4.4. Sự khác biệt về mức độ đánh giá của các nhà sử dụng động với việc đáp ứng yêu cầu công việc của SV tốt nghiệp

Kết quả kiểm định trong Bảng 11 cho thấy không có sự khác biệt về phương sai giữa các nhóm nhà sử dụng lao động dựa trên đặc điểm trường (mầm non,

tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông) đối với các yếu tố kỹ năng chuyên và thái độ làm việc của SV tốt nghiệp do các giá trị Sig. > 0,05. Trong khi đó, với giá trị Sig. = 0,011 < 0,05 cho thấy có sự khác biệt về phương sai giữa các nhóm nhà sử dụng lao động đối với yếu tố KNM của SV tốt nghiệp.

Bảng 11. Kết quả kiểm định sự khác nhau về phương sai

	Thống kê Levene	df1	df2	Sig.
KNM	3,815	3	197	0,011
Kỹ năng chuyên môn	2,403	3	197	0,069
Thái độ làm việc	1,598	3	197	0,191

Đối với yếu tố KNM, sự khác biệt về mức độ đánh giá của các nhà sử dụng lao động đối với việc

đáp ứng yêu cầu công việc của SV tốt nghiệp được thể hiện qua kết quả kiểm định trong Bảng 12.

Bảng 12. Kết quả kiểm định Robust đối với yếu tố KNM

	Thống kê ^a	df1	df2	Sig.
Welch	1,613	3	88,704	0,192

a. Phân phối tiệm cận F.

Kết quả kiểm định Robust có giá trị Sig. = 0,192 > 0,05. Điều này cho thấy không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê về mức đánh giá trung bình của các nhà sử dụng lao động đang làm việc tại các nhóm trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở và các trường trung học phổ thông với yếu tố KNM của

SV tốt nghiệp trong việc đáp ứng yêu cầu công việc.

Đối với yếu tố kỹ năng chuyên môn, sự khác biệt về mức độ đánh giá của các nhà sử dụng lao động đối với việc đáp ứng yêu cầu công việc của SV tốt nghiệp được thể hiện qua kết quả phân tích ANOVA trong Bảng 13.

Bảng 13. Phân tích ANOVA đối với yếu tố "Kỹ năng chuyên môn"

	Bình phương tổng	df	Bình phương trung bình	F	Sig.
Giữa các nhóm	2,236	3	0,745	3,559	0,015
Trong phạm vi từng nhóm	41,263	197	0,209		
Tổng	43,500	200			

Kết quả phân tích ANOVA có giá trị F = 3,559 và giá trị Sig. = 0,015 < 0,05. Điều này cho thấy có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê về mức đánh giá trung bình của các nhà sử dụng lao động giữa các nhóm trường về mức độ đáp ứng của yếu tố "Kỹ năng

chuyên môn" của SV tốt nghiệp với các yêu cầu công việc. Sự khác biệt về mức đánh giá trung bình của các nhà sử dụng lao động về yếu tố "Kỹ năng chuyên môn" của SV tốt nghiệp các ngành ĐTGV được thể hiện qua Bảng 14.

Bảng 14. Kết quả kiểm định sâu LSD về mức độ đánh giá các kỹ năng chuyên môn của SV tốt nghiệp giữa các nhà sử dụng lao động

(I) Trường	(J) Trường	Trung bình khác biệt (I-J)	Sai số chuẩn	Sig.	Khoảng tin cậy 95%	
					Cận trên	Cận dưới
Mầm non	Tiểu học	-0,133	0,107	0,216	-0,3437	0,0780
	Trung học cơ sở	-0,120	0,096	0,211	-0,3093	0,0687
	Trung học phổ thông	-0,258*	0,080	0,001	-0,4151	-0,1014
Tiểu học	Mầm non	0,133	0,107	0,216	-0,0780	0,3437
	Trung học cơ sở	0,013	0,115	0,913	-0,2146	0,2397
	Trung học phổ thông	-0,125	0,102	0,221	-0,3266	0,0758
Trung học cơ sở	Mầm non	0,120	0,096	0,211	-0,0687	0,3093
	Tiểu học	-0,013	0,115	0,913	-0,2397	0,2146
	Trung học phổ thông	-0,138	0,090	0,129	-0,3161	0,0403
Trung học phổ thông	Mầm non	0,258*	0,080	0,001	0,1014	0,4151
	Tiểu học	0,125	0,102	0,221	-0,0758	0,3266
	Trung học cơ sở	0,138	0,090	0,129	-0,0403	0,3161

*. Sự khác biệt về giá trị trung bình có ý nghĩa ở mức 0,05.

Số liệu thống kê trong Bảng 14 trên cho thấy có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê về mức độ đáp ứng yêu cầu công việc của yếu tố kỹ năng chuyên môn giữa các SV tốt nghiệp đang làm tại các trường mầm non và các trường trung học phổ thông do kết

quả kiểm định có giá trị Sig. = 0,001 < 0,05. Cụ thể, các kỹ năng chuyên môn của các SV tốt nghiệp đang làm việc trong các trường mầm non đạt mức đáp ứng trung bình đối với yêu cầu công việc thấp hơn so với các SV tốt nghiệp đang làm việc trong

các trường trung học phổ thông với trung bình khác biệt là 0,258. Ngoài ra, không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê về mức độ đáp ứng của yếu tố "Kỹ năng chuyên môn" với yêu cầu công việc của SV tốt nghiệp đang làm việc tại các trường mầm non với các trường tiểu học (Sig. = 0,216 > 0,05), giữa SV tốt nghiệp đang làm việc tại các trường mầm non và các trường trung học cơ sở (Sig. = 0,211 > 0,05). Bên cạnh đó, không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê về mức độ đáp ứng của yếu tố "Kỹ năng chuyên môn" với yêu cầu công việc của SV tốt

nghiệp đang làm việc tại các trường tiểu học với các trường trung học cơ sở (Sig. = 0,913 > 0,05), giữa các trường tiểu học và các trường trung học phổ thông (Sig. = 0,211 > 0,05), giữa các trường trung học cơ sở và các trường trung học phổ thông (Sig. = 0,129 > 0,05).

Đối với yếu tố thái độ làm việc, sự khác biệt về mức độ đánh giá của các nhà sử dụng lao động về mức độ đáp ứng yêu cầu công việc của SV tốt nghiệp được thể hiện qua kết quả phân tích ANOVA trong Bảng 15.

Bảng 15. Phân tích ANOVA đối với yếu tố thái độ làm việc

	Bình phương tổng	df	Bình phương trung bình	F	Sig.
Giữa các nhóm	0,993	3	0,331	1,274	0,285
Trong phạm vi từng nhóm	51,198	197	0,260		
Tổng	52,191	200			

Kết quả phân tích ANOVA có giá trị $F = 1,274$ và giá trị Sig. = 0,285 > 0,05. Điều này cho thấy không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê về mức đánh giá trung bình của các nhà sử dụng lao động đang công tác tại các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở và các trường trung học phổ thông đối với yếu tố thái độ làm việc của SV tốt nghiệp trong việc đáp ứng yêu cầu công việc.

5. Kết luận

Dựa trên ý kiến phản hồi của các nhà sử dụng lao động, nghiên cứu đã chỉ ra thực trạng mức độ đáp ứng yêu cầu công việc của SV tốt nghiệp các ngành ĐTGV của Trường Đại học Đồng Tháp. Cụ thể, các yếu tố về "Kỹ năng chuyên môn, KNM" và "Thái độ làm việc" của SV tốt nghiệp về cơ bản đã đáp ứng yêu cầu công việc sau khi được tuyển dụng và nhận được phản hồi tích cực của phần lớn các nhà sử dụng lao động. Mặc dù không có nhà sử dụng lao động đánh giá các kỹ năng và thái độ làm việc của SV tốt nghiệp ở mức chưa đáp ứng yêu cầu công việc, tuy nhiên kết quả nghiên cứu đã cho thấy một số kỹ năng và thái độ làm việc của SV tốt nghiệp vẫn còn nhận khá nhiều đánh giá của các nhà sử dụng lao động ở mức đáp ứng một phần công việc. Cụ thể như: Kỹ năng thuyết trình, kỹ năng quan sát và kỹ năng giao tiếp (nhóm KNM); kỹ năng sử dụng các phương tiện dạy học, kỹ năng kiểm tra đánh giá kết quả học tập của học sinh, kỹ năng xây dựng và thực hiện kế hoạch dạy học (nhóm kỹ năng chuyên môn); và yếu

tổ năng động, sáng tạo trong công việc (nhóm thái độ làm việc). Như vậy, để nâng cao chất lượng ĐTGV, Trường Đại học Đồng Tháp cần phải quan tâm đến việc rèn luyện các kỹ năng nghề nghiệp cũng như KNM cho SV tốt nghiệp. Cụ thể, nhà trường cần tổ chức có hiệu quả hoạt động rèn luyện nghiệp vụ sư phạm trong SV trong quá trình đào tạo. Đặc biệt là có sự kết nối với các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông để giúp SV có cơ hội tham quan, học tập kinh nghiệm thông qua những giờ dạy thực tế trên lớp của giáo viên. Ngoài ra, hoạt động thực tập sư phạm cần được tổ chức hiệu quả để giúp SV có được những trải nghiệm thực tế trong quá trình dạy học. Bên cạnh việc trang bị những kỹ năng chuyên môn, các cơ sở ĐTGV trong đó có Trường Đại học Đồng Tháp cần phải quan tâm đến việc bồi dưỡng các KNM cho SV trong quá trình đào tạo. Về thái độ làm việc, để đáp ứng yêu cầu công việc sau khi được tuyển dụng, SV cần phải có thái độ nghiêm túc, có tinh thần trách nhiệm trong học tập và làm việc. Đặc biệt, SV tốt nghiệp cần phải có tinh thần ham học hỏi, tự học nâng cao trình độ để đáp ứng yêu cầu công việc ngày càng cao của nghề nghiệp trong tương lai.

Tài liệu tham khảo

Aquino, A. B., Del Mundo, C. O. & Quizon, G. R. (2015). Employers' feedbacks on the performance of teacher education graduates.

- Asia Pacific Journal of Multidisciplinary Research*, 3(4), 67-73.
- Archer, W. & Davison, J. (2008). *Graduate employability: What do employers think and want?*. London: The Council for Industry and Higher Education.
- Dunbar, K., Laing, G. & Wynder, M. (2016). A content analysis of accounting job advertisements: skill requirements for graduates. *E-Journal of Business Education & Scholarship of Teaching*, 10(1), 58-72.
- Đặng Bá Lâm, Nguyễn Thế Thắng, Đỗ Minh Thư và Nguyễn Xuân An. (2019). Đánh giá của doanh nghiệp về năng lực SV các trường đại học ngoài công lập. *Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam*, 21, 18-22.
- Finch, D. J., Hamilton, L. K., Baldwin, R. & Zehner, M. (2013). An exploratory study of factors affecting undergraduate employability. *Education + Training*, 55(7), 681-704.
- Hoàng Trọng và Chu Nguyễn Mộng Ngọc. (2008). *Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS*. Hà Nội: NXB Hồng Đức.
- Holmes, L. (2013). Competing perspectives on graduate employability: Possession, position or process?. *Studies in Higher Education*, 38, 538-554.
- Huỳnh Thị Trang. (2019). Các nhân tố ảnh hưởng đến mức độ hài lòng của nhà tuyển dụng về SV tốt nghiệp ngành Thông tin học Trường Đại học Cần Thơ. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ*, 55(1C), 89-99.
- Low, M., Botes, V., De La Rue, D. & Allen, J. (2016). Accounting employers' expectations-the ideal accounting graduates. *E-Journal of Business Education & Scholarship of Teaching*, 10(1), 36-57.
- Lowden, K., Hall, S., Elliot, D. & Lewin, J. (2011). *Employers' perceptions of the employability skills of new graduates*. London: Edge Foundation.
- Murray, S. & Robinson, H. (2001). Graduates into sales-employer, student and university perspective. *Education + Training*, 43(4), 184-193.
- Ngô Chí Hải và Bùi Đức Nhân. (2018). Đánh giá mức độ đáp ứng công việc của SV tốt nghiệp ngành sư phạm Trường Đại học Thủ đô Hà Nội qua ý kiến nhà sử dụng lao động. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Thủ đô Hà Nội*, số 23, 79-85.
- Nunnally, J. (1978). *Psychometric Theory*. New York: McGraw-Hill.
- Orr, C., Sherony, B. & Steinhaus, C. (2011). Employer perceptions of student informational interviewing skills and behaviors. *American Journal of Business Education*, 4(12), 23-32.
- Osmani, M., Weerakkody, V., Hindi, N. & Eldabi, T. (2019). Graduates employability skills: A review of literature against market demand. *Journal of Education for Business*, 94(7), 423-432.
- Phạm Văn Quyết. (2017). Mức độ đáp ứng yêu cầu của việc làm ở SV tốt nghiệp các ngành khoa học xã hội và nhân văn. *Tạp chí Khoa học Xã hội và Nhân văn ĐHQG Hà Nội*, 3(3), 342-350.
- Phạm Văn Quyết, Trần Kiều Quỳnh. (2016). Sự thích ứng với việc làm của cựu SV khoa học xã hội và nhân văn. *Tạp chí Tâm lý học*, 5, 11-21.
- Slater, S. F. (1995). Issues in conducting marketing strategy research. *Journal of Strategic Marketing*, 3(4), 257-270.
- The World Bank. (2012). *Putting higher education to work, skills and research for growth in East Asia*. World Bank East Asia and Pacific Regional Report.
- Trần Thị Thùy Trang, Trần Thùy Linh và Trần Thị Hiền Lương. (2018). Đánh giá sự hài lòng về khả năng thích ứng nghề nghiệp của SV tốt nghiệp chuyên ngành Kế toán Trường ĐH Công Nghiệp Hà Nội. *Tạp chí Khoa học và Công nghệ: Kinh tế và Xã hội, Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội*, 46, 17-23.
- Trịnh Thế Anh, Đặng Quốc Hòe. (2013). Đánh giá mức độ đáp ứng yêu cầu công việc của SV tốt nghiệp ngành Giáo dục Mầm non Trường Đại học Sư phạm, Đại học Đà Nẵng. *Tạp chí Khoa học Xã hội, Nhân văn và Giáo dục*, 3(1), 78-84.
- Trịnh Văn Sơn, Phạm Phương Trung. (2016). Chất lượng giáo dục đào tạo: đánh giá của doanh nghiệp đối với SV tốt nghiệp của Trường Đại học Kinh tế - Đại học Huế. *Tạp chí khoa học - Đại học Huế*, 18 (4), 191-202.